

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày 27- 01- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng.

Ông Phan Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Việt Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Sen – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 83/2020/TLST – HS ngày 19 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST – HS ngày 11 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Kpă P, sinh ngày 17/8/1992 tại Gia Lai; Nơi cư trú: làng Lê Anh, xã I , huyện C, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jarai; Giới tính: Nam; tôn giáo: Tin Lành; Con ông Rlan P1, sinh năm 1930 và bà Kpă P2, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: 01 tiền án: Tại bản án số 48/2012/HSST ngày 7/8/2012 của Toà án nhân dân huyện C kết án Kpă P 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Huỷ hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 143 của Bộ luật Hình sự năm 1999. (Bị cáo chưa chấp hành phần án phí hình sự sơ thẩm); Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 01/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai.Có mặt.

2. Rmah L, (tên gọi khác: Ama Lê), sinh ngày 20/8/1996 tại Gia Lai; Nơi cư trú: Làng Nủ, xã I , huyện C, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Jarai; Giới tính: Nam; tôn giáo: không; Con ông Kpuih Y2, sinh năm 1979 và bà Rmah B2, sinh năm 1971; Có vợ là Kpă H2, sinh năm 1991, có 02 con sinh năm 2014 và 2016; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giam ngày 01/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai.Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Kpă H3, sinh năm 2005. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Kpă H4, sinh năm 1953. (là mẹ của H3). Có mặt.

2. Chị Kpă A, sinh năm 1989.

Cùng trú tại: làng Dek, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Anh A NH, sinh năm 1975.

Trú tại: làng Bia Bre, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Kpă H4, sinh năm 1953.

Trú tại: làng Dek, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Anh J, sinh năm 1975.

Trú tại: làng Tơ Drăh, xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Anh Siu D5, sinh năm 1989.

Trú tại: làng Núi, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Ja Rai:* Bà Nay H'Yan, công tác tại Ủy ban nhân dân xã A1, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào tháng 6/2020, thông qua mạng xã hội (Facebook) Rmah A5 (sinh năm 1949, trú tại làng Dek, xã H, huyện C, tỉnh Gia Lai, hiện đang ở Thái Lan) thường xuyên liên lạc về cho Kpăh Hyek (vợ) và Kpă H3, Kpă A (con) để rủ rê, tuyên truyền, lôi kéo vợ con trốn sang Thái Lan để đoàn tụ gia đình. Sau nhiều lần thuyết phục, vợ và con A5 đồng ý. A5 hướng dẫn Kpă A mua vé xe cho mẹ và em đi từ Bến xe Chư Sê đến Bến xe Miền Đông - TP. Hồ Chí Minh, khi đến TP.HCM sẽ có người liên lạc với Kpă H3 để đón đưa sang Campuchia rồi đi sang Thái Lan.

Khoảng giữa tháng 6/2020, J (sinh năm 1975, trú tại làng Tơ Drăh, xã B, huyện C) đến nhà anh rể là Kroh (sinh năm 1960, trú tại làng Bia Bre, xã I, huyện Đ) ở thì gặp Wan (sinh năm 1984, hiện trú tại làng Lê Anh, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai). J tâm sự với Wan về

việc muốn trốn sang Thái Lan để đi làm thuê. Sau đó, Wan nói lại việc này cho Kpă P (sinh năm 1992, trú tại làng Lê Anh, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai) biết.

Kpă P yêu cầu Wan đưa Pĩn đến gặp J để hỏi cụ thể. Wan đồng ý. Khi gặp Kpă P, J nhờ Pĩn tìm đường cho mình trốn sang Thái Lan, Kpă P đồng ý và hứa sẽ giúp. Sau đó, Kpă P liên lạc với Kpă Ché (hiện đang sống ở Mỹ) nhờ hỏi giúp, Kpă Ché nói nếu muốn trốn sang Thái Lan thì liên lạc với Kpă Heh (hiện đang sống ở CamPuChia). Kpă P liên lạc với Kpă Heh thì Heh hứa sẽ tìm đường giúp cho Pĩn.

Vài ngày sau, Kpă Heh liên lạc với Kpă P và nói Kpă P liên lạc với đối tượng có tên tài khoản trên mạng xã hội **Facebook “Ksor Thiên”** để biết đường trốn. Kpă P liên lạc với tài khoản này thì gặp Rmah L (sinh năm 1996, trú tại làng Nủ, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai) để liên lạc hỏi tìm đường trốn sang Thái Lan cho J, Lum đồng ý. Kpă P gặp Rmah L thì được Rmah L cho biết hiện Rmah A5 và Siu Kol (chưa xác định được nhân thân lai lịch hiện ở Thái Lan) đã thông báo cho Lum biết: Rmah A5 và Siu Kol đang chuẩn bị tổ chức cho vợ và con của Rmah A5 trốn sang Thái Lan, thời gian tới sẽ có người tìm đến Rmah L hỏi đường trốn sang Thái Lan và yêu cầu Rmah L giúp đỡ; đồng thời Siu Kol nói Rmah L liên lạc với Kpă A (sinh năm 1989, trú tại làng Dek, xã H, huyện C là con của Rmah A5) để biết ngày, giờ trốn.

Sau đó, Rmah L và Kpă P liên lạc với Siu Kol để trao đổi việc tìm đường trốn đi nước ngoài cho J. Siu Kol cho biết có đường trốn đi Thái Lan, yêu cầu người trốn chuẩn bị số tiền 20.000.000 đồng và sẽ trốn cùng với vợ và con của Rmah A5, theo tuyến đi xe khách từ huyện C, tỉnh Gia Lai vào Bến xe Miền Đông - thành phố Hồ Chí Minh, tại đây sẽ có người liên lạc, đón đưa sang CamPuChia, từ CamPuChia sẽ có người đón đưa sang Thái Lan; khi trốn mang theo các giấy mời làm việc, giấy chấp hành xong án phạt tù để khi đến Thái Lan được người của Liên Hợp Quốc giúp đỡ nơi ăn ở; khi nào chuẩn bị đủ tiền thì liên lạc với Kpă A để biết ngày giờ trốn. Rmah L liên lạc với Kpă A thì được A cho biết bố A đang chuẩn bị tổ chức cho mẹ và em A trốn sang Thái Lan, đồng ý cho J đi cùng và nói J chuẩn bị 20.000.000 đồng để chi phí đi đường.

Sau đó, Kpă P báo cho J biết về tuyến đường trốn, các giấy tờ mang theo và yêu cầu J chuẩn bị tiền để chi phí đi đường. Trong thời gian này, Rmah A5 cũng điện thoại cho Rmah L nói Lum liên lạc với Kpă A để biết ngày giờ trốn và A sẽ mua vé xe cho J trốn đi cùng vợ con A5.

Cuối tháng 6/2020, Rmah A5 liên lạc với và dặn H3 mua 01 sim điện thoại mới và cung cấp số điện thoại này cho A5. A5 đưa số điện thoại này cho người dẫn đường để người này liên lạc với Kpă H3. Rmah A5 nói Kpă A ngày 01/7/2020 đi mua vé cho mẹ, em và J đi vào thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi, J chuẩn bị đủ tiền Rmah L thông báo cho Kpă A biết. Kpă A hẹn

sáng ngày 01/7/2020 gặp nhau tại bến xe huyện C để mua vé xe. Khoảng 06 giờ ngày 01/7/2020, Kpă P và Rmah L đến bến xe thì gặp Kpă A và nhờ A Van mua vé xe giúp J. Kpă A thông báo xe khách xuất bến lúc 17 giờ 30 chiều cùng ngày. Đúng hẹn Kpă P, Rmah L và ANH (sinh năm 1975, trú tại làng Bia Bre, xã I, huyện Đ) và Siu D5 (sinh năm 1989, trú tại làng Núi, xã I, huyện C) cùng J ra bến xe. Tại đây, J đưa cho ANH 1.500.000 đồng để đổ xăng xe. ANH đưa cho Pĩn 1.000.000 đồng và Pĩn đưa cho Rmah L 500.000 đồng. Sau đó, J cùng Kpă H4, Kpă H3 và Kpă Ru Ni (con trai A, sinh năm 2014) đi vào TP.HCM. Trước khi xe xuất phát Kpă H'plen điện thoại thông báo cho Rmah A5 biết đã lên xe. Khi đến bến xe Miền Đông thì có người đàn ông (chưa xác định được nhân thân lai lịch) liên lạc với Kpă H'plen dẫn 04 người trốn sang Thái Lan. Khi J, Kpă H4, Kpă H3 và Kpă Ru Ni đến Thái Lan thì bị Cảnh sát Thái Lan bắt giữ và trao trả cho phía Cam Puchia. Sau đó, phía CamPuChia đã trao trả 04 người trên cho Việt Nam. Ngày 10/7/2020 J, Kpă H4, Kpă H3, Kpă Ru Ni được Bộ đội Biên phòng tỉnh Gia Lai bàn giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Gia Lai để thực hiện việc cách lý tạm thời trở về từ vùng dịch. Ngày 24/7/2020 các đối tượng trên được giao cho Công an huyện C giải quyết.

b. Về các vấn đề khác của vụ án:

+ Về vật chứng của vụ án:

- 06 (sáu) điện thoại di động; 06 (sáu) sim điện thoại; 01 (một) thẻ nhớ;
- 02 (hai) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64/QĐ/XPVPHC ngày 24/11/2016 của UBND xã B, huyện C đối với Đình J (01 bản chính và 01 bản phô tô);
- 05 (năm) Giấy mời J của Công an xã B, huyện C ngày 13/8/2014, 02/3/2015, 22/4/2018, 03/4/2019, 20/5/2020;
- 03 (ba) Giấy mời J của Ủy ban Mặt trận tổ quốc việt nam xã B, huyện C ngày 14/9/2013, 10/02/2015, 12/5/2020;
- 01 (một) Giấy triệu tập J của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C ngày 23/9/2016.

Bản cáo trạng số:103/CT – VKS – P1 ngày 18 – 11 – 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Kpă P và Rmah L về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” theo khoản 1 Điều 349 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

c. Tại phiên tòa:

Bị cáo Kpă P và Rmah L khai nhận vào tháng 6/2020 các bị cáo đã liên lạc với Rmah A5 (hiện đang sống tại Thái Lan) để tổ chức đưa J trốn sang Thái Lan. Quá trình giúp J trốn sang Thái Lan mỗi bị cáo được J đưa cho 500.000đồng.

-Quan điểm luận tội của kiểm sát viên:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Kpă P, Rmah L về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” theo khoản 1 Điều 349 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- **Đối với Kpă P:** Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Kpă P từ 3 năm đến 4 năm tù.

- **Đối với Rmah L:** Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Rmah L từ 2 năm đến 3 năm tù.

Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Kpă P, Rmah L mỗi bị cáo phải nộp lại 500.000đồng tiền thu lợi bất chính để sung quỹ nhà nước; Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh NH phải nộp lại 500.000đồng tiền liên quan đến tội phạm để sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu sung công: 01 điện thoại di động Nokia, 01 điện thoại di động Sam Sung của Rmah L; 01 điện thoại di động OPPO A1 của Kpă A; 01 điện thoại di động của Kpă P ; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S và 01 điện thoại di động hiệu NOKIA của Kpă H3.

Đề nghị tịch thu tiêu huỷ: 01 sim điện thoại của H3; 02 sim điện thoại, 01 thẻ nhớ thu của Kpă P; 01 thẻ nhớ, 03 sim điện thoại của Rmah L.

Đối với 02 (hai) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64/QĐ/XPVPHC ngày 24/11/2016 đối với Đình J (01 bản chính và 01 bản phô tô); 05 (năm) Giấy mời J của Công an xã B; 03 (ba) Giấy mời J của Ủy ban Mặt trận tổ quốc việt nam xã B; 01 (một) Giấy triệu tập J của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C đã lưu giữ tại hồ sơ vụ án nên không đề cập đến.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quy326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

+ *Ý kiến của bị cáo Rmah L, Kpă P:* Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đối với các bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” theo khoản 1 Điều 349 của Bộ luật Hình sự 2015 là đúng người đúng tội.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Không có ý kiến tranh luận.

-*Lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo Kpă P, Rmah L hối hận về tội phạm đã thực hiện, xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Kpă P và Rmah L khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người liên quan, vật chứng thu giữ, các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đủ cơ sở kết luận, vào tháng 6/2020, khi biết J có ý định trốn ra nước ngoài, Kpă P và Rmah L đã liên lạc với Rmah A5 và Siu Kol hiện đang ở Thái Lan để tìm cách cho J trốn sang Thái Lan, dưới sự hướng dẫn của Rmah A5, ngày 01/7/2020 J đã đi cùng với vợ, con của A5 là Kpă H4, Kpă H3 và Kpă Ru Ni từ Chư Sê vào Thành phố Hồ Chí Minh sang Thái Lan, khi đi đến biên giới Cam Puc Chia – Thái Lan thì bị cảnh sát Thái Lan bắt giữ, ngày 10/7/2020, phía Cam Pu Chia đã trao trả J và các đối tượng trên cho Bộ đội biên phòng Việt Nam. Quá trình tổ chức cho J trốn sang Thái Lan Kpă P và Rmah L mỗi bị cáo được J cho 500.000đồng. Khi thực hiện tội phạm các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Với hành vi đã thực hiện, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Kpă P, Rmah L về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trái phép đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, tác động xấu đến tình hình an ninh biên giới, gây xáo trộn trong đời sống của người đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương. Hành vi của các bị cáo phải bị nghiêm trị. Trong vụ án này có hai bị cáo cùng thực hiện tội phạm, tuy nhiên tính chất chỉ là đồng phạm giản

đơn, tính chất, vai trò, mức độ của từng bị cáo thể hiện khác nhau vì vậy cần cá thể hoá trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

Trong đó Kpã P là người giữ vai trò chính, tích cực trong việc thực hiện tội phạm, Pĩn đã gặp J để hỏi về việc đi nước ngoài, sau đó liên lạc với các đối tượng ở nước ngoài để tổ chức đưa J trốn đi nước ngoài trái phép, hành vi của Kpã P có tính nguy hiểm cao hơn Rmah L.

Đối với Rmah L là đồng phạm với Pĩn nhưng giữ vai trò thấp hơn, ít nguy hiểm hơn Kpã P khi thực hiện tội phạm.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, trong quá trình điều tra và tại phiên toà đều thật thà khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về tội phạm đã thực hiện nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Kpã P có nhân thân xấu đã bị kết án về tội “Huỷ hoại tài sản” chưa được xoá án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên phạm vào tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Rmah L có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt:

Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, tính chất, vai trò, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhân thân của người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm. Hội đồng xét xử thấy rằng, cần phải xử phạt các bị cáo nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài, mới đủ tác dụng răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung, trong đó hình phạt của bị cáo Pĩn cao hơn bị cáo Lum.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo Pĩn, Lum được hưởng lợi mỗi bị cáo 500.000đồng từ việc thực hiện tội phạm do J đưa cho nên buộc các bị cáo nộp lại số tiền này để sung quỹ nhà nước; NHđược hưởng lợi 500.000đồng do J đưa cho trong quá trình J trốn ra nước ngoài trái phép nên buộc NHnộp lại để sung công quỹ.

[8]. Về xử lý vật chứng:

+ Đối với: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S và 01 điện thoại di động hiệu NOKIA là phương tiện Kpã H3 sử dụng liên lạc trong quá trình trốn đi nước ngoài nên tịch thu sung công.

+ Đối với 01 điện thoại di động OPPO A1 là phương tiện Kpă A sử dụng liên lạc trong quá trình giúp cho mẹ, em và J đi nước ngoài nên tịch thu sung công.

+ Đối với 01 điện thoại di động của Kpă P là phương tiện liên lạc trong quá trình thực hiện tội phạm nên tịch thu sung công.

+ Đối với 01 điện thoại di động Nokia, 01 điện thoại di động Sam Sung, là phương tiện Rmah L sử dụng trong quá trình thực hiện tội phạm nên tịch thu sung công.

+ Đối với 01 sim điện thoại của H' Phen; 02 sim điện thoại, 01 thẻ nhớ thu của Kpă P; 01 thẻ nhớ, 03 sim điện thoại của Rmah L là phương tiện có liên quan đến tội phạm, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với: 02 (hai) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 64/QĐ/XPVPHC ngày 24/11/2016 đối với Đinh J (01 bản chính và 01 bản phô tô); 05 (năm) Giấy mời J của Công an xã B; 03 (ba) Giấy mời J của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã B; 01 (một) Giấy triệu tập J của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp nên được chấp nhận.

[10]. Về án phí. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[12] Về vấn đề khác:

Đối với **Rmah A5**, đến nay Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã ra Quyết định truy nã và Quyết định tách vụ án để tiếp tục điều tra về hành vi phạm tội của Rmah A5 để xử lý sau là có căn cứ.

Đối với J, Kpă Pyek và Kpă H3 đã có hành vi xuất cảnh trái phép sang Thái Lan, tuy nhiên các đối tượng này phạm tội lần đầu, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu đến Cơ quan Công an huyện C để xử lý đối với J, Kpă Pyek và Kpă H3 theo quy định của pháp luật. **Đối với Kpă R** (sinh năm 2014), do đó không đề nghị xử lý hành chính là có căn cứ.

Đối với Kpă A là con gái của Rmah A5, đã mua vé xe cho mẹ, em và J đi vào thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình điều tra Kpă A thành khẩn khai báo, nhân thân tốt, trình độ nhận thức thấp và hoàn cảnh gia đình khó khăn (sống cùng mẹ già, nuôi 02 con nhỏ). Do đó, Cơ quan An ninh điều tra tỉnh Gia Lai đã chuyển

toàn bộ hồ sơ, tài liệu đến Cơ quan Công an huyện C để xử lý hành chính đối với Kpă A theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Đối với **Wan, NH và Siu D5**: các cá nhân này biết J trốn đi nước ngoài, nhưng không giúp sức và tạo điều kiện cho J trốn. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Gia Lai không xử lý đối với các cá nhân này là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Kpă P, Rmah L phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”.

-**Đối với Kpă P**: Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: **Kpă P** 3 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 01/9/2020)

- Đối với **Rmah L**: Áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Rmah L 2 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 01/9/2020)

[2] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

-Buộc bị cáo Kpă P phải nộp lại 500.000đồng(Năm trăm nghìn đồng) tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ.

-Buộc bị cáo Rmah L phải nộp lại 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ.

-Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NH phải nộp lại 500.000đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ.

-Tịch thu sung công quỹ: 01 điện thoại di động Nokia, 01 điện thoại di động Sam Sung của Rmah L; 01 điện thoại di động OPPO A1 của Kpă A; 01 điện thoại di động của Kpă P ; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5S và 01 điện thoại di động hiệu NOKIA của Kpă H3.

-Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại của Kpă H3; 02 sim điện thoại, 01 thẻ nhớ của Kpă P; 01 thẻ nhớ, 03 sim điện thoại của Rmah L.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 11/2021 ngày 19/11/2020 giữa cơ quan ANĐT Công an tỉnh Gia Lai và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án.

Buộc bị cáo Kpă P, Rmah L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng.
- Phòng KTNV& THA của TAND tỉnh;
- Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai;
- Trại tạm giam công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Hiên

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA